

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHẠM XUÂN THU

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY DƯỢC TWIII**

**CHUYÊN NGÀNH :KẾ TOÁN
MÃ SỐ:60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS: Trần Đình Khôi Nguyên

Phản biện 1: TS. Nguyễn Công Phương

Phản biện 2: TS. Lê Đức Toàn

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 09 năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- KTQT nói chung và kế toán quản trị chi phí nói riêng ngày càng trở nên quan trọng, khẳng định được vai trò của nó trong việc cung cấp thông tin cho quản trị mà KTTC không đảm trách được.

+ Th/ tin KTQT chi phí c/cấp hướng đến diễn biến trong tương lai nhằm giúp nhà q/lý hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và đưa ra các quyết định đúng đắn, phù hợp với các mục tiêu đã xác lập.

+ Thông tin KTQT chi phí cung cấp là công cụ có thể giúp các doanh nghiệp SXKD đứng vững trong những cơn bão táp cạnh tranh của thị trường, nếu DN nào biết sử dụng công cụ này.

- Các DN Việt Nam ra đời, hoạt động trong những điều kiện hết sức khó khăn. Khi chuyển sang cơ chế thị trường các doanh nghiệp phải cạnh tranh tự tồn tại và phát triển. Cty Dược TWIII nói riêng và các DN Dược thuộc ngành Dược VN nói chung, ngoài những khó khăn nói trên thì còn có đặc điểm khác là sản phẩm SX ra phải bảo đảm chất lượng rất khắc khe, vì SP Dược là hàng hóa đặc biệt: “thuốc chữa bệnh cho con người”. Khó khăn là vậy nhưng nhận thức và vận dụng KTQT, kế toán quản trị chi phí ở những DN này còn như mới mẻ, sơ khai, chưa được quan tâm đúng mức.

- X/phát từ y/cầu mang tính kh/quan cả về lý luận và thực tiễn, tác giả đã chọn đề tài ng/cứu: “KTQT chi phí tại Cty Dược TWIII”.

Cũng qua đề tài nghiên cứu tác giả kỳ vọng: nâng cao hiệu quả trong công việc đang làm của mình và có thể đóng góp một số ý kiến để hoàn thiện công tác KTQT nói chung và kế toán QTCP nói riêng tại Cty Dược TWIII trên con đường cạnh tranh tồn tại và phát triển.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa bản chất, vai trò, đặc điểm của KTQT chi phí trong các DN SXKD nói chung và các DN ngành Dược nói riêng.

- Khảo sát, đánh giá công tác KTQT chi phí ở Cty Dược TWIII qua đó đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí phù hợp với đặc thù của Cty Dược TWIII trong cơ chế thị trường.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đ/tượng ng/cứu: Luận văn ng/cứu KTQT chi phí SXKD th/bì y tế và thuốc phòng, chữa bệnh cho con người tại Cty Dược TWIII.

- Phạm vi nghiên cứu: Chi phí sản xuất KD được xem xét đối với hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc phòng, chữa bệnh con người.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn áp dụng một số phương pháp để tiến hành đánh giá khảo sát và định hướng công tác KTQT chi phí tại Cty Dược TWIII.

- Sử dụng tài liệu thứ cấp về chi phí tại Công ty kết hợp với phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng và những nhân viên kế toán phân hành có liên quan đến chi phí để khảo sát công tác kế toán QTCP.

- Phỏng vấn trực tiếp trưởng các phòng chức năng, như: kinh doanh, sản xuất,... và cả ban giám đốc Công ty để tìm hiểu nhu cầu thông tin về quản trị chi phí tại đơn vị.

- So sánh, đối chiếu giữa thực tiễn với lý thuyết về kế toán quản trị chi phí để có hướng đề xuất về công tác kế toán quản trị chi phí.

5. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về KTQT chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực tế về KTQT chi phí trong Công ty Dược TWIII.

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí trong Công ty Dược TWIII.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DN SẢN XUẤT

1.1. Bản chất của kế toán quản trị và kế toán quản trị chi phí

1.1.1 Bản chất của kế toán quản trị

KTQT ra đời trong bối cảnh nền sản xuất hàng hóa phát triển cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt, buộc các nhà quản trị DN phải quan tâm đến thông tin cho quá trình ra quyết định. Kế toán quản trị được áp dụng vào giữa thế kỷ 19 ở một số ngành công nghiệp tại Mỹ và Anh, đến nay KTQT đã được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

KTQT là một phân hệ thuộc kế toán thực hiện việc ghi chép, đo lường, tính toán, thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế có thể định lượng, nhằm phục vụ chủ yếu cho các nhà quản trị DN trong quá trình hoạch định, kiểm soát và ra quyết định kinh doanh.

Thông tin tài chính và phi tài chính cung cấp trong phạm vi nội bộ DN bao gồm:

- Thông tin về chi phí sản phẩm hoặc dịch vụ của DN.
- Quá trình lập các dự toán cung cấp thông tin cho việc xây dựng kế hoạch và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch hướng đến các mục tiêu trên thị trường của DN.
- Thiết kế để lập báo cáo và phân tích các báo cáo cung cấp các thông tin đặc thù để giúp các nhà quản trị ra quyết định kinh doanh.
- Các báo cáo KT nội bộ do KTQT cung cấp linh hoạt, không có tính pháp lý. KTQT đặt trọng tâm giải quyết các vấn đề quản trị của DN. Vì vậy, KTQT phải thiết kế các thông tin kế toán sao cho nhà quản trị có thể dùng vào việc thực hiện các chức năng quản trị.
- KTQT c/cấp thông tin những sự kiện đã và sắp xảy ra, hướng đến việc ra q/định hướng đến tương lai. Thông tin KTQT cung cấp có

thể biểu hiện là giá trị, hiện vật, thời gian lao động, sơ đồ, đồ thị,....

1.1.2. Bản chất của kế toán quản trị chi phí

KTQT chi phí là một bộ phận của KTQT, khởi điểm của kế toán quản trị là kế toán chi phí. Bản chất của kế toán QTCP như sau:

- KTQT chi phí không chỉ thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã thực sự hoàn thành, đã ghi chép, hệ thống hoá trong sổ kế toán mà còn xử lý và cung cấp các thông tin phục vụ cho việc lập các dự toán, quyết định các phương án kinh doanh.

- KTQT chi phí c/cấp các thông tin về hoạt động kinh tế tài chính trong phạm vi yêu cầu q/lý nội bộ của DN. Những thông tin đó có ý nghĩa với những bộ phận, những người điều hành, quản lý DN.

- KTQT chi phí là một bộ phận của công tác kế toán nói chung và là một bộ phận không thể thiếu được để kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý.

1.2. Kế toán quản trị chi phí với chức năng quản lý DN

KTQT chi phí có vai trò cung cấp thông tin CP phục vụ cho các chức năng quản trị. Đó là, cung cấp t/tin cho quá trình: lập kế hoạch và dự toán, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá, ra quyết định.

Thông tin của KTQT chi phí rất cần thiết cho quá trình ra quyết định. Đây là chức năng quan trọng xuyên suốt từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện cho đến kiểm tra đánh giá.

1.3. Phân loại chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất

1.3.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

1.3.1.1. Chi phí sản xuất: CP VL trực tiếp, CPNC trực tiếp, CPSXC

1.3.1.2. Chi phí ngoài sản xuất: Chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN

1.3.2. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí:

1.3.2.1. Biến phí: Có biến phí tỷ lệ và biến phí cấp bậc.

1.3.2.2. Định phí: Có định phí bắt buộc và định phí có thể thay đổi.

1.3.2.3. Chi phí hỗn hợp: Là chi phí bao gồm cả biến phí và định phí DN cần phải tách chi phí hỗn hợp thành biến phí và định phí.

1.3.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với lợi nhuận xác định từng kỳ

1.3.3.1. Chi phí sản phẩm: là chi phí sản xuất những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ, kết chuyển để xác định lợi nhuận trong kỳ (l/nhuận gộp)

1.3.3.2. Chi phí thời kỳ: Là chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí tài chính phát sinh trong kỳ KT nào, kết chuyển hết trong kỳ KT đó để xác định lợi nhuận.

1.3.4. Các cách phân loại chi phí nhằm ra quyết định

1.3.4.1. Chi phí trực tiếp - Chi phí gián tiếp:

CP trực tiếp là những khoản CP mà có thể tính thẳng và tính toàn bộ cho đối tượng chịu CP như, CP VL trực tiếp, CP NC trực tiếp.

CP gián tiếp: là những khoản chi phí không thể tính thẳng và tính toàn bộ cho đối tượng chịu chi phí cá biệt nào mà phải phân bổ vì nó liên quan đến nhiều đối tượng chi phí.

1.3.4.2. Chi phí kiểm soát được – chi phí không kiểm soát được:

Phản ánh phạm vi quyền hạn của nhà quản trị đối với những khoản chi phí phát sinh trong phạm vi quyền hạn của mình. Cấp nào có quyền quyết định chi về khoản chi thì kiểm soát được về khoản chi đó, nhà quản trị cấp càng cao thì phạm vi kiểm soát càng rộng.

1.3.4.3. Chi phí tránh được và chi phí không tránh được: chi phí tránh được là chi phí mà phương án dự tính phải chi, thực hiện có thể giảm được chi trong khi công việc vẫn hoàn thành. Chi phí không tránh được là những chi phí vẫn phải chi theo phương án.

1.3.4.4. Chi phí chênh lệch: Những khoản chi phí nào có ở phương án này nhưng chỉ có một phần hoặc không có ở phương án khác.

1.3.4.5. *Chi phí cơ hội*: là lợi ích bị mất vì chọn phương án và hành động này thay vì phương án hành động khác.

1.3.4.6. *Chi phí chìm*: là một loại chi phí mà DN phải chịu dù chọn phương án hành động nào, chi phí chìm không có tính chênh lệch.

1.4. Nội dung của KTQT chi phí tại DN sản xuất

1.4.1. *Lập dự toán CP trong DNSX*: Có thể tiến hành như sau:

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: được tính căn cứ vào định mức tiêu hao NVL và đơn giá dự toán nguyên vật liệu.

- Dự toán chi phí NCTT: được tính căn cứ vào đơn giá tiền lương được xây dựng cho từng SP và sản lượng SP dự kiến sản xuất.

- Dự toán chi phí SXC: gồm các CP liên quan đến phục vụ và quản lý hoạt động SX phát sinh tại phân xưởng ngoài chi phí nhân công trực tiếp và chi phí NVL trực tiếp. Dự toán này được tính:

Dự toán chi phí SXC	=	Dự toán biến phí SXC	+	Dự toán định phí SXC
---------------------	---	----------------------	---	----------------------

Trong đó:

Dự toán biến phí SXC	=	Dự toán biến phí đơn vị SXC	x	Sản lượng sản xuất theo dự toán
----------------------	---	-----------------------------	---	---------------------------------

Dự toán định phí SXC	=	Định phí SXC thực tế kỳ trước	x	Tỷ lệ tăng (giảm) định phí SXC theo dự kiến
----------------------	---	-------------------------------	---	---

- Dự toán chi phí bán hàng.

Dự toán chi phí bán hàng	=	Dự toán biến phí bán hàng	+	Dự toán định phí bán hàng
--------------------------	---	---------------------------	---	---------------------------

Trong đó, dự toán định phí bán hàng căn cứ vào tỷ lệ % dự kiến theo định phí bán hàng thực tế kỳ trước. Dự toán biến phí bán hàng trên cơ sở sản lượng tiêu thụ trong kỳ.

- Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Dự toán chi phí quản lý DN	=	Dự toán biến phí quản lý DN	+	Dự toán định phí quản lý DN
----------------------------	---	-----------------------------	---	-----------------------------

Trong dự toán CP b/hàng, đối với dự toán biến phí QL DN thường sử dụng ph/pháp thống kê kinh nghiệm. Trên cơ sở tỷ lệ biến phí QLDN trên biến phí trực tiếp trong và ngoài khâu SX ở các kỳ kế toán trước đó xác định tỷ lệ biến phí quản lý bình quân giữa các kỳ.

Đối với định phí quản lý doanh nghiệp thường không thay đổi theo mức độ hoạt động, dự toán định phí quản lý doanh nghiệp căn cứ vào dự báo các nội dung cụ thể của từng yếu tố chi phí.

- Dự toán CP tài chính: Phần này quan tâm đến dự toán CP lãi vay dựa vào tỷ suất lãi vay và số tiền vay. Tuy nhiên, khoản này thường cố định, nó chỉ b/ động hàng năm theo mức vay vốn của DN.

1.4.2. Lập dự toán giá thành sản phẩm

1.4.2.1. *Lập dự toán giá thành theo phương pháp toàn bộ*: Ph/ pháp tính giá toàn bộ là ph/ pháp mà toàn bộ CP liên quan đến quá trình sản xuất SP tại nơi SX được tính vào giá thành của SP hoàn thành.

Áp dụng ph/ pháp tính giá toàn bộ có thể vận dụng theo các trường hợp: Tính giá thành giản đơn, tính giá thành theo công việc (theo đơn đặt hàng), tính giá thành theo quá trình SX (phương pháp cộng phí), theo ph/ pháp này giá thành SP được tính theo công thức:

Giá thành sản phẩm hoàn thành	=	Chi phí NVLTT	+	Chi phí NCTT	+	Chi phí SXC
-------------------------------	---	---------------	---	--------------	---	-------------

1.4.2.2. *Lập dự toán giá thành theo phương pháp trực tiếp*

Tính giá thành theo ph/ pháp trực tiếp là ph/ pháp mà theo đó chỉ có CP sản xuất biến đổi liên quan đến sản xuất SP tại phân xưởng, tại nơi SX được tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành. Phần CP sản xuất chung cố định không được tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành. Như vậy giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

Giá thành sản phẩm hoàn thành	=	Chi phí NVLTT	+	Chi phí NCTT	+	Biến phí SXC
-------------------------------	---	---------------	---	--------------	---	--------------

Trường hợp không thể phân loại ngay thành biến phí và định phí thì chi phí này sẽ được theo dõi riêng, đến cuối kỳ sẽ phân tích thành biến phí và định phí. Kế toán sẽ tổng hợp toàn bộ biến phí sản xuất để tính giá thành SP. Lúc này giá thành đơn vị được xác định:

Giá thành Đơn vị sản phẩm	=	<u>Tổng biến phí sản xuất</u> Sản lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ
---------------------------	---	---

1.4.3. Phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc quản lý và quyết định của các nhà quản trị trong doanh nghiệp sản xuất

1.4.3.1. Phân tích chi phí theo các trung tâm chi phí

- Trung tâm cung ứng: - Trung tâm sản xuất:
- Trung tâm tiêu thụ: - Trung tâm quản lý

Khi ph/tích trung tâm CP nếu thấy dấu hiệu bất lợi thì cần xác định những tác động bất lợi của các bộ phận tương ứng như tình hình cung ứng vật tư, lao động, SX, điều hành của nhà quản lý ...Như vậy, đánh giá trách nhiệm của trung tâm CP, điều quan trọng nhất mà nhà quản lý cần quan tâm là giải thích những ng/ nhân nhằm tìm ra những khó khăn khi hoàn thành trách nhiệm và mục tiêu chung của DN.

1.4.3.2. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - sản lượng - lợi nhuận

- Phân tích điểm hoà vốn:
- Ph/ tích mức sản lượng cần thiết để đạt mức lãi mong muốn.

- Phân tích sự ảnh hưởng của thay đổi chi phí đối với lợi nhuận.
- Ph/tích ảnh hưởng của k/cấu mặt hàng đối với sự thay đổi LN.
- Phân tích ảnh hưởng của giá bán đối với lợi tức với sự thay đổi tính về biến phí và định phí .

1.4.3.3. Phân tích thông tin chi phí thích hợp để ra các quyết định KD

Quá trình phân tích thông tin thích hợp bao gồm các bước:

- Tập hợp chi phí liên quan đến mỗi phương án kinh doanh, chi phí này bao gồm CP thực tế ước tính, chi phí tiềm ẩn và CP cơ hội.
- Loại bỏ các khoản chi phí chìm, là những chi phí đã phát sinh luôn tồn tại ở tất cả các phương án kinh doanh.
- Loại bỏ các CP sẽ phát sinh như nhau trong tương lai ở các phương án kinh doanh.
- Các CP còn lại là thông tin CP thích hợp cho việc lựa chọn phương án.

Thông tin CP thích hợp sẽ kh/ nhau khi so sánh lựa chọn các ph/ án KD kh/ nhau ở những điều kiện và môi trường KD khác nhau.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Luận văn đã dành phần lớn trình bày những vấn đề lý luận về kế toán quản trị chi phí trong các DN sản xuất, KD: bản chất của KTQT và kế toán quản trị chi phí, vai trò của KTQT chi phí, các loại CP trong DN sản xuất, KD. Sau đó xác định nội dung của KTQT chi phí: phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh, phương pháp kiểm tra và đánh giá thực hiện CP, các phương pháp phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định. Đây là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực tế về kế toán quản trị chi phí tại Cty Dược TWIII. Từ đó tìm ra những giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Dược TWIII.

CHƯƠNG 2

THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ

TẠI CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY DƯỢC TWIII

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 20/4/1993 Bộ trưởng Bộ y tế ra q/định số 392/QĐ-BYT về việc đổi tên Cty Dược liệu TWIII thành Cty Dược TWIII - trực thuộc tổng Cty Dược VN trụ sở đặt tại 115 Ngô Gia Tự - Đà Nẵng.

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn lực:

Đơn vị tính : 1000 đồng

CHỈ TIÊU	2006	2007	2008
1/ Doanh thu	175.100.065	143.488.538	187.850.000
Tr.đó:KD thương mại	165.100.065	131.488.538	172.400.000
KD sản xuất	10.000.000	12.000.000	15.450.000
2/ Giá trị sản xuất	7.000.000	8.500.000	14.367.000
3/ Tổng lợi tức trước thuế	351.417	392.802	284.000
4/ Vốn CSH	18.078.015	18.297.029	18.334.194
5/ Giá trị tổng tài sản	66.769.754	62.051.270	68.969.056
6/ Giá trị TSCĐ hữu hình	18.351.989	15.794.258	16.861.048
7/ Nộp ngân sách NN	7.000.000	6.000.000	7.500.000
8/ Lao động	150	152	136

(Nguồn số liệu : Công ty Dược TWIII)

2.1.2. Chức năng hoạt động của Công ty

* Kinh doanh trên lĩnh vực sản xuất thuốc tân dược

* Kinh doanh trên lĩnh vực thương mại: Mua và bán thuốc tân dược, dụng cụ y tế, hoá chất xét nghiệm

2.1.3. Tổ chức quản lý của Công ty

2.1.3.1. Các bộ phận trong bộ máy của Công ty, gồm: BGĐ, các phòng, ban, kho, xưởng, mạng lưới phân phối (chi nhánh HN, TPHCM...)

2.1.3.2. Mô hình tổ chức quản lý của Công ty: (sơ đồ 2.1 trang 29LV)

2.1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận trong tổ chức quản lý Công ty

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán, gồm: Kế toán trưởng, phó phòng kế toán và các nhân viên kế toán phân hành.

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của cán bộ và nhân viên kế toán

2.1.4.3. Hình thức kế toán: chứng từ ghi sổ - được làm trên phần mềm trên máy vi tính (phần mềm Fast accounting).

2.2. Thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty

2.2.1. Đặc điểm quản lý chi phí tại Công ty Dược TWIII

Đặc điểm hoạt động của Cty có hai lĩnh vực hoạt động, nên nói chung CP là phức tạp. Tuy hoạt động hai lĩnh vực nhưng CP bán hàng và chi phí QLDN của hai lĩnh vực hạch toán vào TK641, TK642 mà không hạch toán chi tiết là SX và hạch toán chi tiết KD thương mại. Muốn biết lợi nhuận của từng lĩnh vực lại phải mất thời gian để tính mức khoán CP bán hàng trên doanh thu của từng lĩnh vực, còn chi phí QLDN thì áng chừng nên độ chính xác không cao.

Có nhiều phòng ban trong Công ty vừa làm việc cho lĩnh vực sản xuất, lại vừa làm việc cho lĩnh vực kinh doanh thương mại. Nhưng chi phí này tách bạch không rõ ràng.

Tổng CP lãi vay quá cao, do vốn KD chủ yếu là vốn vay làm cho CP đầu vào của VL, của h/hóa quá cao, dẫn đến LN KD giảm.

* Đối với chi phí sản xuất:

+ CP vật liệu trực tiếp: Phát sinh theo định mức trong hoạt động sản xuất SP. Như vậy việc quản lý VL tiêu hao của Công ty là rất chặt chẽ góp phần không nhỏ vào việc quản lý CP vật liệu.

+ Chi phí tiền lương CN trực tiếp SX: Phát sinh theo đ/mức trong hoạt động sản xuất SP. Quản lý chi phí tiền lương công nhân

trực tiếp sản xuất của Cty theo khối lượng sản xuất ra là rất chặt chẽ.

+ CPSXC: Việc quản lý CPSXC của Cty là tương đối chặt chẽ.

* Đối với chi phí ngoài sản xuất:

+ CP bán hàng: Phát sinh theo đ/mức trong doanh số thực hiện.

Cty có xây dựng định mức CP cho từng công đoạn, từng bộ phận bán hàng, cho SP sản xuất ra để bán, cho hàng hóa mua vào để bán ra, nhưng lại theo doanh số bán ra.

+ CPQLDN: Phát sinh theo thực tế CP, không có dự toán trước.

2.2.2. Công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Dược TWIII

2.2.2.1. Công tác lập dự toán chi phí

a. Đối với hoạt động sản xuất: Các khoản mục chi phí được lập dự toán như sau:

[*] Dự toán khoản mục Chi phí vật liệu trực tiếp:

Chi phí VL trực tiếp	=	Số lượng SP SX dự toán	x	Định mức vật liệu	x	Đơn giá vật liệu
-------------------------	---	---------------------------	---	----------------------	---	---------------------

[*] Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp: Được dự toán bao gồm tiền lương (tiền công) và các khoản trích theo lương.

- *Dự toán chi phí tiền lương (tiền công):*

$$\text{Tiền lương} = \text{Định mức th/gian LĐ hao phí} \times \text{Đơn giá tiền lương}$$

Thời gian l/động hao phí tính theo đ/mức khoán công từng công đoạn SX cho từng lô của từng SP và số lượng SP dự tính SX. Đơn giá tiền lương 50.000đ/1 công.

- *Dự toán chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BH Thất Nghiệp.*

* Dự toán Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ: tính theo q/định n/nước

* Chi phí BH Thất nghiệp: tính theo qui định của nhà nước

[*] Khoản mục chi phí sản xuất chung:

(+) *Dự toán về tiền lương của cán bộ và nhân viên quản lý sản xuất (gián tiếp sản xuất):* hệ số lương x 540.000đ

(+) *Dự toán về BHXH, BHYT, KPCĐ của cán bộ và nhân viên quản lý sản xuất:* theo qui định của nhà nước.

(+) *Dự toán bảo hiểm thất nghiệp của cán bộ và nhân viên quản lý sản xuất:* theo qui định của nhà nước.

(+) *Dự toán c/phí CCDC:* theo nhu cầu hiện tại không có dự toán

(+) *Dự toán về chi phí năng lượng (điện, nước), điện thoại*

- CP về nước, điện thoại chiếm tỷ lệ nhỏ. Nên không có dự toán

- Do công nghệ sản xuất thuốc tân Dược phải dùng máy móc là

chính nên năng lượng điện được dự toán như sau:

Dự toán chi phí năng lượng điện	=	Định mức tiêu thụ điện (kw)	x	Đơn giá 1kw điện
------------------------------------	---	--------------------------------	---	---------------------

(+) *Dự toán CP khấu hao TSCĐ:* tính theo p/pháp đường thẳng

(+) *Dự toán về chi phí khác bằng tiền:* theo số liệu kỳ trước

- Chi phí bán hàng bao gồm: Giao dịch, công tác phí và các chi phí khác liên quan đến việc bán hàng.

Trên cơ sở dự toán giá thành SP theo định mức, chính sách bán hàng (khoản CP bán hàng) và lợi nhuận trên giá bán (bao gồm CP quản lý DN và lợi nhuận) đối với Dược phẩm do Cty sản xuất Công ty lập được kế hoạch sản xuất khả thi cho kỳ tới, năm tới.

b. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: kinh doanh thương mại tại Công ty là: mua, bán Dược phẩm và thiết bị y tế

* **Dự toán CP mua vào:** căn cứ doanh số mua vào năm trước, cộng tăng 10%.

* **Dự toán CP bán ra:** căn cứ doanh số bán ra năm trước, cộng tăng 10%. Khoản CP bán ra là 6% → 7% trên doanh thu cộng với lợi nhuận các bộ phận b/ra phải nộp 2% trên d/thu, tự trang trải t/lương.

2.2.2.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

a. Tính giá thành:

Cty Dược TWIII tính giá thành SP theo yếu tố CP: gồm 10 yếu tố CP. Cty tập hợp CPSX và tính g/thành theo p/pháp toàn bộ. Tất cả mọi CPSX đều được tập hợp vào TK154 (CPSX KD dở dang), không sử dụng các TK621(CP NVL trực tiếp),TK622 (CPNC trực tiếp),TK 627 (CPSXC). Như vậy, ngoài việc mở sổ chi tiết theo dõi CPSX dở dang ĐK, CPSX dở dang CK của SP còn phải mở sổ chi tiết theo dõi CPSX p/sinh trong kỳ làm cơ sở cho việc tính g/ thành từng loại SP. Quá trình xây dựng đ/mức CPSX Cty tính CP cả cho một lô SP, sau đó mới chia cho SL SP của lô để tìm ra đ/mức CP cho một đơn vị SP. Khi lập dự toán CPSX Cty dựa trên cơ sở CP đ/mức đơn vị SP để tính CPSX cho cả một lô SP dự định SX. Còn khi tính g/ thành của đơn vị SP thực tế Cty tập hợp CPSX của số SP hoàn thành các lô từng loại SP trong quý và chia cho tổng SL SP hoàn thành tr/quí của các lô từng loại SP cộng lại (đơn vị SP hoàn thành là: viên, gói, lọ, hộp, vi,...). Công thức tính giá thành đơn vị SP như sau:

$$\text{Giá thành Đơn vị SP} = \frac{\text{Tổng chi phí trong kỳ}}{\text{Tổng số lượng SPSX trong kỳ}}$$

Cuối quý kế toán tính giá thành và lập bảng tính giá thành

Sau khi lập bảng tính giá thành SP tất cả các loại SP sản xuất trong quý, kế toán giá thành lập phiếu tính giá thành cho từng loại SP.

Yếu tố 1: Nguyên vật liệu chính

* Nguyên liệu chính: Theo số lượng vật liệu tiêu hao thực tế x đơn giá xuất kho bình quân gia quyền thời kỳ.

VL tiêu hao thực tế	=	VL tiêu hao DDĐK	+	VL xuất sử dụng trong kỳ	-	VL còn DDCK
---------------------	---	------------------	---	--------------------------	---	-------------

Yếu tố 2: Vật liệu phụ (như vật liệu chính)

Yếu tố 3: Bao bì (như vật liệu chính)

Yếu tố 4: Công cụ dụng cụ: Phân bổ theo công thức sau:

$$\text{CCDC phân bổ cho loại SPi} = \frac{\text{Giá trị CCDC phải phân bổ trong quý}}{\sum \text{Giá trị của tất cả các loại SP Nkho /quý}} \times \frac{\text{Giá trị loại Spi}}{\text{NKho trong quý}}$$

Yếu tố 5: Năng lượng (điện nước,...): Phân bổ theo định mức.

Yếu tố 6: CP nhân công đ/mức (CP tiền lương CN trực tiếp SX): trên cơ sở đ/mức công lao động của từng loại SP, đơn giá một công là 50.000đ. Căn cứ vào kết quả là số lượng SP qui ra số công đ/mức cho mỗi loại SP, sau đó nhân với 50.000đ. Cộng với lương độc hại, làm thêm, phụ cấp, lương nghỉ phép, hội họp. Tiêu thức phân bổ là tổng mức lương khoán đ/ mức công nhân trực tiếp sản xuất.

Phân bổ theo công thức sau:

$$\text{Tiền lương từng loại SP} = \frac{\text{L khoán ĐM của từng loại SP} + \frac{\sum \text{các khoản L khác}}{\sum \text{mức L khoán ĐM của từng loại SP}} \times \text{T.lương ĐM của từng loại SP}}$$

$$\text{Tiền lương 1 đơn vị SP} = \frac{\text{Tiền lương từng loại SP}}{\sum \text{Sản phẩm từng loại}}$$

Trong đó:

- 1/Lương khoán định mức của từng loại SP = $\frac{\text{L khoán đơn vị}}{\text{SP từng loại}} \times \text{Số lượng sản phẩm SX}$
- 2/ Các khoản lương và phụ cấp khác gồm: lương làm thêm, phụ cấp, độc hại, lương công nhân nghỉ phép, hội họp,...

Yếu tố 7: CP quản lý g/tiếp (T/lương của CBNV q/ lý SX): tính toàn bộ t/lương của những CB, NV làm việc g/tiếp phục vụ cho xưởng GMP. Tiêu thức p/ bổ là tổng CP tiền lương CN trực tiếp SX. Tổng hệ số x 540.000đ = Tổng tiền lương cán bộ NV quản lý SX.

Phân bổ cho từng sản phẩm như sau:

$$\text{Chi phí TL Quản lý SX} = \frac{\text{Tổng CP TL quản lý SX}}{\text{Tổng CP TL CN TT SX}} \times \frac{\text{CP TL CN TT SX}}{\text{từng loại SP}}$$

Yếu tố 8: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí c/đoàn.

Trích theo tiền lương CNTT SX và tiền lương cán bộ q/lý sản xuất. Tiêu thức phân bổ là chi phí tiền lương CN trực tiếp sản xuất.

Tổng chi phí = 19% x (tổng hệ số lương x 650.000)

Công thức phân bổ như sau:

BHXX, BHYT, KPCĐ Của từng loại SP	=	$\frac{\text{Tổng CP BHXX, BHYT, KPCĐ}}{\text{Tổng CP TL CN TT SX}}$	x	CP TL CN TT SX của từng loại SP
--------------------------------------	---	--	---	------------------------------------

BH t/nghiệp 1% DN có đóng cho CN, NV l/vực SX từ tháng 1 năm 2009 nhưng không p/bổ cho SX mà lại tính hết vào q/lý DN.

Yếu tố 9: Khấu hao tài sản cố định: Tổng CP k/hao TSCĐ của xưởng Dược trong năm được kế toán tài sản cố định tính toán và phân bổ cho xưởng Dược từ đầu năm, với định khoản kế toán:

Nợ TK142 XD / Có TK214

Sau đó kế toán g/thành lấy tổng số CP khấu hao cả năm Cty đã phân bổ cho xưởng Dược chia làm bốn quý, kết quả của phép chia đó chính là CP khấu hao của một quý và định khoản kế toán như sau:

Nợ TK154 / Có TK142XD

Khi có số liệu CPKH một quý, kế toán g/thành tiến hành phân bổ cho từng loại SPSX trong quý với tiêu thức được chọn là tiền điện đã phân bổ cho từng loại SP sản xuất trong quý ở yếu tố 5. Vì điện hao phí tỷ lệ thuận với sự hoạt động của máy móc thiết bị, sự hoạt động của máy móc thiết bị lại tỷ lệ thuận với hao mòn máy móc thiết bị.

Công thức phân bổ khấu hao tài sản cố định:

KHTSCĐ từng loại SP	=	$\frac{\text{Tổng CP KHTSCĐ phải phân bổ quý}}{\text{Tổng chi phí điện, nước..}}$	x	CP điện, nước từng loại SP
------------------------	---	---	---	-------------------------------

Muốn biết KHTSCĐ cho một đơn vị SP từng loại chỉ cần lấy số tiền CP KH TSCĐ của từng loại SP chia cho tổng số SP cùng loại.

Yếu tố 10: Chi phí khác

Tiêu thức p/ bổ CP khác là tiền điện hao phí. Với lý do hao phí điện tỷ lệ thuận với hoạt động SX, hoạt động SX tỷ lệ thuận với các CP trong đó có cả CP khác. Công thức phân bổ chi phí khác:

CP khác tính Cho từng loại SP	=	$\frac{\text{Tổng chi phí khác}}{\text{Tổng CP điện, nước}}$	x	Chi phí điện, nước từng loại SP
----------------------------------	---	--	---	------------------------------------

Muốn biết chi phí khác một đơn vị từng loại sản phẩm trong quý chỉ việc lấy chi phí khác của từng loại sản phẩm trong quý được phân bổ chia cho số lượng sản phẩm sản xuất trong quý.

T/cộng các y/tố của 1 đơn vị SP thành ra giá thành đơn vị SPSX.

Sau khi phân bổ 10 yếu tố chi phí sản xuất xong, kế toán lập bảng tổng hợp phân bổ chi phí sản xuất.

b. Đánh giá SP làm dở: Công ty đánh giá SP làm dở theo VLC trực tiếp. CPSX trong kỳ của từng loại SP tính được thông qua phân bổ CPSX của 10 yếu tố và xác định được CP dở dang CK của từng loại SP, kế toán giá thành sử dụng c/thức tính giá thành như sau:

Giá thành của từng loại SP	=	$\frac{\text{CPSX}}{\text{DDĐK}}$	+	$\frac{\text{CPSX}}{\text{Trong kỳ}}$	-	$\frac{\text{CPSX}}{\text{DDCK}}$
-------------------------------	---	-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	-----------------------------------

Giá thành của từng loại SP đã được xác định kế toán g/ thành lập phiếu tính giá thành cho từng loại SP, trong phiếu tính giá thành sẽ biểu hiện CP từng yếu tố cho đơn vị SP và tính g/thành đơn vị SP.

2.2.2.3. Thực trạng về công tác kiểm soát chi phí

a. Đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại: đó là kiểm soát doanh thu, CP và lợi nhuận. Hệ thống kiểm soát gồm 3 yếu tố cơ bản: dự toán hay định mức, thực hiện, thực hiện so với định mức.

b. Lĩnh vực SX: Các b/cáo bao gồm: B/cáo tiếp nhận NVL, b/cáo sử dụng NVL, b/cáo về lao động, b/cáo CP, b/cáo kết quả SX.

2.3. Đánh giá công tác KTQTCP tại Công ty Dược TWIII

Qua nghiên cứu c/tác kế toán QTCP tại Cty Dược TWIII, có thể thấy rằng: Cty phần nào đã tổ chức KTQT chi phí phù hợp với yêu cầu và trình độ q/lý của Cty. Cứ đến cuối năm Cty đều lập kế hoạch SXKD cho năm tới nhằm định hướng và là cơ sở đánh giá kết quả hoạt động KD. Bên cạnh những kế hoạch về doanh thu, về giá trị tổng sản lượng SX thì còn có kế hoạch về CP KD thương mại, CP về KDSX, CP về g/thành SP. Trong đó các chỉ tiêu đều giao cho các bộ phận được phân cấp, phân quyền t/hiện tương đối hợp lý. Riêng về đ/mức hao phí NVL sản xuất, định mức hao phí công lao động của công nhân SX, CP điện, khấu hao được xây dựng rất khoa học và kiểm soát hết sức chặt chẽ, các CP khác trong SXKD cũng được xây dựng và kiểm soát có nhiều tiến bộ so với trước. Bộ phận KD thương mại ngoài việc giành thị phần để mua bán h/hóa ở ba miền, Cty còn giao khoán CP và khoán nộp lợi nhuận cho Cty. Bộ phận SX được Cty giao chỉ tiêu tổng giá trị SX, và khoán chỉ tiêu các khoản CPSX. Định kỳ các bộ phận này phải báo cáo về Cty tình hình thực hiện kết quả và CP của bộ phận mình để Cty kịp thời chỉ đạo. Tuy nhiên công tác KTQT của Cty cũng còn những tồn tại sau:

Thứ nhất: Công tác kế toán tập trung vào kế toán tài chính mà chưa chú trọng đến kế toán quản trị.

Thứ hai: Phân cấp quản lý tài chính tại Công ty đã có nhưng chưa gắn với sự hình thành các trung tâm trách nhiệm.

Thứ ba: Các báo cáo hàng tháng, quý, năm không đồng đều, bộ phận báo cáo nhanh, bộ phận báo cáo chậm

Thứ tư: Công tác kiểm soát CP chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức. Cty chưa có b/cáo nào phân tích một cách cụ thể sự biến động của CP hay d/thu do những nhân tố nào ảnh hưởng và mỗi nhân tố ảnh hưởng là bao nhiêu, báo cáo chỉ dừng lại ở việc so sánh.

Thứ năm: Cty phân loại CPSX theo yếu tố để tập hợp CPSX và tính giá thành SP, chưa quan tâm đến việc phân loại CP theo cách

ứng xử của CP nhằm phục vụ cho KTQT chi phí. Việc tính giá thành theo yếu tố của Cty không phân biệt rõ CP gián tiếp và CP trực tiếp.

Thứ sáu: Đối tượng chịu chi phí chưa được tính đúng, tính đủ chi phí. Tất cả tồn tại thứ sáu này làm cho việc phân ảnh giá thành, giá vốn hàng bán thiếu chính xác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận văn đã phản ánh thực trạng KTQT chi phí ở Cty Dược TWIII, khái quát được tình hình tổ chức SX KD cũng như tình hình KTQT chi phí ở Cty Dược TWIII. Công tác QTCP ở Cty Dược TWIII được thể hiện qua nhận diện và phân loại CP, công tác lập dự toán CP, các báo cáo về chi phí SXKD, tính giá thành SP. Đồng thời luận văn đã đưa ra được những ưu điểm và tập trung p/tích những mặt hạn chế của công tác KTQT chi phí tại Cty Dược TWIII. Phần ng/cứu này là cơ sở để đưa ra những giải pháp khoa học và hợp lý nhằm hoàn thiện c/tác KTQT tại Cty Dược TWIII ở phần ba.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY DƯỢC TWIII

3.1. Sự cần thiết phải h/thiện KTQT CP trong Cty Dược TWIII

Kinh tế Việt Nam đã và đang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Cty áp lực cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn. Là DN của Nhà nước, lâu nay vẫn còn sự bao cấp của Nhà nước, tính năng động của Cty hạn chế, vốn SXKD ít, sức cạnh tranh yếu. Ngày 01 tháng 7 năm 2010 Cty phải chuyển sang hoạt động theo mô hình “CTTNHH một thành viên”. Luật DN Việt Nam quy định: Cty TNHH một thành viên vốn của nó vẫn là của Nhà nước, nhưng nhu cầu quản lý đòi hỏi cao hơn không đơn thuần như hoạt động theo mô hình Cty Nhà nước.

Mặt khác, SX thuốc tân Dược của Cty có đ/điểm khác với SXSP hàng hóa khác ở chỗ: yêu cầu ch/lượng rất khắc khe theo quy định của ngành Dược, vì SP là thuốc phòng chữa bệnh cho con người.

Muốn tồn tại và phát triển Cty Dược TWIII ngoài việc phải SX thuốc tốt theo tiêu chuẩn GMP, bảo quản thuốc tốt theo tiêu chuẩn GSP, mẫu mã đẹp thì cần phải kiểm soát tốt CPSX KD làm cho giá thành SP, hàng hóa hợp lý hơn tạo khác biệt nâng cao tính cạnh tranh. Để thực hiện được việc này DN cần phải tổ chức hệ thống thông tin nội bộ h/chính để c/cấp thông tin cho lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng q/lý trong những năm qua, sự nhận thức về KTQT của Cty khá mới mẻ, chưa được quan tâm và th/hiện một cách khoa học dẫn đến các thông tin CP và cung cấp cho nhà q/lý chưa hợp lý, chưa kịp thời và chính xác. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tính cạnh tranh kém, SXKD hiệu quả thấp, trì trệ không phát triển được. Vì vậy đổi mới và hoàn thiện kế toán QTCP nói riêng và KTQT nói chung là yêu cầu rất cấp thiết và tất yếu. Ngay từ bây giờ Cty Dược TWIII cần xem KTQT nói chung và kế toán QTCP nói riêng là một công cụ không thể thiếu để quản lý DN trong cơ chế thị trường.

Xuất phát từ những yêu cầu trên và qua phân tích thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Dược TWIII, tác giả đưa ra những định hướng và những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Dược TWIII như sau:

3.2. Những định hướng hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty

Trước tiên: Cty phải tổ chức bộ phận kế toán QTCP, bộ phận này thuộc phòng KT Cty. Thứ hai: Hoàn thiện KTQT chi phí trên cơ sở kế thừa Thứ ba: Hoàn thiện KTQT chi phí phải dựa trên thực trạng về đ/kiện và nhu cầu q/lý th/tế của DN. Thứ tư: KTQT chi phí phải giản đơn, thuận tiện Thứ năm: KTQT chi phí phải kết hợp với KTTC. Thứ sáu: KTQT chi phí phải đáp ứng yêu cầu kiểm tra, đánh giá.

3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí

3.3.1. Phân loại CP theo cách ứng xử của CP: Trong đó CP dịch vụ mua ngoài như điện, nước, sửa chữa có thể coi là CP h/hợp cần phải tách riêng phần b/phí và đ/phí. Sử dụng ph/pháp cực đại, cực tiểu.

3.3.2. Lập dự toán CP/dự toán linh hoạt: Các bước tiến hành khi lập:

- Xác định phạm vi hoạt động trong kỳ kế hoạch.
- Phân tích các chi phí có thể phát sinh trong phạm vi phù hợp theo cách ứng xử chi phí.

- Tính biên phí đơn vị theo mức độ hoạt động kế hoạch.

Biên phí đơn vị Kế hoạch	=	$\frac{\text{Tổng biên phí kế hoạch}}{\text{Mức hoạt động kế hoạch}}$
-----------------------------	---	---

- Lập kế hoạch linh hoạt điều chỉnh theo mức hoạt động thực tế.

Tổng biên phí đã điều chỉnh	=	$\frac{\text{Mức hoạt động thực tế}}{\text{Mức hoạt động kế hoạch}}$	x	Biên phí đơn vị kế hoạch
--------------------------------	---	--	---	-----------------------------

Đối với định phí thường không thay đổi khi lập dự toán chi phí linh hoạt, do mức độ hoạt động thực tế vẫn nằm trong phạm vi điều chỉnh mà trong đó định phí chưa thay đổi.

Dựa vào kế hoạch linh hoạt theo mức hoạt động thực tế, việc đánh giá tình hình chi phí tại đơn vị có ý nghĩa hơn chi phí thực tế mà kế hoạch linh hoạt đều dựa vào một mức hoạt động tương đương.

3.4. Giải pháp hoàn thiện công tác tính giá thành

3.4.1. Tính đúng, tính đủ CPSX vào đối tượng chịu CP: Đối tượng hạch toán chi phí của Cty xác định đã đúng. Nhưng Cty cần phải tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất vào đối tượng chịu chi phí đã được xác định, thì giá thành sản phẩm sẽ chính xác hơn, dẫn đến CP cho lĩnh vực kinh doanh thương mại cũng chính xác hơn. Mặt khác thực hiện đúng với nguyên tắc “phù hợp” của kế toán, đồng thời đảm bảo cho kết cấu chi phí giá thành, dẫn đến cạnh tranh lành mạnh.

3.4.2. Hoàn thiện hệ thống p/ pháp phân bổ chi phí sản xuất chung

Trong 10 yếu tố CPSX mà Cty đang sử dụng để tính giá thành SP có tới 6 yếu tố thuộc CPSXC. Vậy, Cty Dược TWIII nếu còn tính giá thành theo yếu tố CP thì nên đổi tên một số yếu tố chi phí cũ cho phù hợp với nội dung của yếu tố chi phí. Đồng thời sửa đổi cả nội dung trong một số yếu tố chi phí cho đúng với tên gọi của yếu tố CP. Chính sửa nội dung một số yếu tố như trên thì những con số sau khi phân bổ sẽ có ý nghĩa nhiều hơn.

Cty Dược TWIII nên chuyển sang tính giá thành theo khoản mục CP, gồm ba khoản mục CP: CP vật liệu trực tiếp (gồm yếu tố từ 1→3); CPNC trực tiếp (gồm các yếu tố từ 6→8) và chi phí SX (gồm các yếu tố từ 4,5,7,8,10); đi đôi với việc mở nhiều sổ chi tiết để theo dõi CPSXC, sau đó chọn tiêu thức phân bổ cho thích hợp.

- Kế toán CP sản xuất nên mở các TK621,622,627 để hạch toán các CP trước khi kết chuyển qua TK154 để tính giá thành thì việc theo dõi chi phí sản xuất chung sẽ dễ dàng hơn, chặt chẽ hơn.

- Kỳ tính giá thành nên đổi từ 3 tháng xuống 1 tháng để giám đốc Cty có th/ tin kịp thời về CP và giá thành SP, từ đó g/độc sẽ có những quyết định đáp ứng y/cầu cạnh tranh trong cơ chế thị trường.

Cần tách bạch CP bán hàng, CP quản lý DN cho những sản phẩm DN sản xuất để bán và những hàng hóa mua vào, bán ra thì mới có thể tính toán lãi lỗ của lĩnh vực SX và lĩnh vực thương mại.

3.5. Lập báo cáo chi phí để phục vụ kiểm soát chi phí:

* **Báo cáo tình hình thực hiện CPNVL trực tiếp:** Phải lập mẫu biểu b/cáo tình hình sử dụng VLC, VLP, bao bì trực tiếp cho SX. Với nội dung b/cáo: số lượng định mức, đơn giá định mức; số lượng thực tế, đơn giá thực tế; so sánh chênh lệch, nêu nguyên nhân của sự ch/lệch.

* **Báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp:** Phải lập mẫu biểu b/cáo về CP tiền lương, b/hiểm CNTTTSX theo từng loại SP với số công, đơn giá, thành tiền giữa kế hoạch và th/hiện; so sánh giữa kế hoạch với th/hiện tìm ra ch/lệch, nêu ng/nhân sự ch/ lệch.

* **Báo cáo tình hình thực hiện CPSXC:** Phải lập mẫu biểu b/cáo với nội dung b/cáo dự toán linh hoạt các khoản CPSXC với thực hiện chi phí SX, tìm ra chênh lệch, nêu nguyên nhân sự chênh lệch.

* **Báo cáo tình hình thực hiện CPSX:** Phải lập mẫu biểu b/cáo với nội dung b/cáo CPSX thực tế, CPSX dự toán, ch/lệch CPSX thực tế với CPSX dự toán của từng loại SP và của tất cả các loại SP SX trong tháng (quí, năm). Nguồn số liệu dựa vào số liệu trên bảng dự toán CPSX, các bảng phân bổ CPSX và các b/cáo tình hình th/hiện chi phí NVLTT, CPNCTT, CPSXC trong tháng (quí, năm) để lập báo cáo này. Sau đó phân tích ng/nhân và các nhân tố ảnh hưởng đến ch/lệch.

* **Báo cáo giá thành sản xuất:** Phải lập mẫu biểu b/caó với nội dung báo cáo các khoản mục CP của từng loại SP, giá thành đơn vị SP, tổng giá thành giữa kế hoạch, thực tế, tìm chênh lệch, nêu ng/nhân.

* **Báo cáo chi phí bán hàng:** Phải lập mẫu biểu b/cáo với nội dung báo cáo các khoản mục CP bán hàng Dược phẩm tự SX; Dược phẩm và thiết bị y tế KD thương mại với CP dự toán, CP định mức và CP thực tế, tìm chênh lệch, nêu nguyên nhân.

* **Báo cáo CPQLDN:** Phải lập mẫu biểu b/cáo với nội dung b/cáo các khoản mục CPQLDN giữa dự toán CP với thực tế CP, tìm chênh lệch, nêu nguyên nhân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí dựa trên nền tảng lý luận và thực tế. Các giải pháp này tập trung vào vấn đề tổ chức theo dõi phân loại CP, hoàn thiện công tác tính giá thành SP, lập các dự toán CP linh hoạt, lập các b/cáo phân tích CP. Nhằm mục đích tăng cường kiểm soát CP nội bộ, phân tích biến động CP để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng, nâng cao tính hữu ích của thông tin KT phục vụ cho hoạt động QTDN.

LỜI KẾT

Hoàn thiện công tác KTQT chi phí là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết trong quá trình hoàn thiện hệ thống QLDN, góp phần khẳng định ch/năng cung cấp th/tin của hệ thống KT trong quản lý. Thực trạng KTQT chi phí ở Cty Dược TWIII còn những hạn chế vì vậy việc h/ thiện công tác KTQT chi phí ở Cty này là cần thiết. Trên cơ sở ngh/cứu, tổng hợp, ph/tích cả về lý luận cũng như thực tiễn, luận văn đã giải quyết được một số nội dung sau:

Thứ nhất, đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán QTCP, làm tiền đề cho việc đánh giá thực trạng và tìm ra các giải pháp khắc phục những tồn tại về QTCP trong Cty Dược TWIII.

Thứ hai, phản ánh được thực trạng KTQT chi phí của Cty Dược TWIII, bao gồm: Nhận diện các cách phân loại CP, công tác lập dự toán CP, tập hợp CPSX và tính giá thành SP. Từ đó chỉ ra những hạn chế cần phải h/thiện về kế toán QTCP ở Cty Dược TWIII.

Thứ ba, để hoàn thiện c/tác kế toán CPSX tại Cty Dược TWIII, luận văn đã đưa ra các giải pháp: đề xuất cách phân loại CPSX theo cách ứng xử của CP nhằm phục vụ cho nhu cầu hạch toán và q/ly CP; tính đúng, tính đủ CPSX vào đối tượng chịu CP để phục vụ cho công tác tính giá thành được chính xác; hoàn thiện phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung; hoàn thiện hệ thống b/cáo thực hiện về CPSX nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị CP.

Với những nội dung đã trình bày, nhìn chung luận văn đã đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Tuy nhiên, nền kinh tế còn nhiều diễn biến phức tạp trong khi KTQT mới chỉ được đề cập trong thời gian gần đây và còn khá mới mẻ đối với các DN nói chung, và Cty Dược TWIII nói riêng, các giải pháp hoàn thiện kế toán QTCP trong Cty Dược TWIII được rút ra từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn biến động không ngừng. Vì vậy, vẫn còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục ngh/ cứu h/thiện và luận văn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy cô và đồng nghiệp để luận văn được hoàn chỉnh hơn.